TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 01 tháng 02 năm 2023

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. **Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:** BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH.
2. **Địa chỉ:** số 126, Nguyễn Thiện Thành, Khóm 4, Phường 5, Thành phố Trà Vinh.
3. **Thời gian hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:** Nhận bệnh cấp cứu 24/24; Khám bệnh ngoại trú từ thứ 2 đến thứ 7 và sáng Chủ nhật.
4. **Danh sách đăng ký người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:**

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
1.	Lê Văn Nam	001384/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Lồng ngực, tim mạch	Toàn thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại
2.	Trần Ngọc Sáu	000134/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai - Mũi -Họng	Toàn thời gian	Khám Tai - Mũi - Họng
3.	Trương Thị Thu Hiền	000479/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi	Toàn thời gian	Khám Nhi
4.	Huỳnh Thị Hồng Nhung	002907/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Toàn thời gian	Khám Nội
5.	Tăng Trường Phước	002523/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chấn thương chỉnh hình	Toàn thời gian	Khám Chấn thương chỉnh hình
6.	Sơn Huyền Vũ	000472/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Toàn thời gian	Khám nội
7.	Bùi Minh Thiện	000977/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng Hàm Mặt
8.	Bùi Trần Hoàng Huy	0006323/BTR-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng Hàm Mặt

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
9.	Kiên Thị Thái Hiền	000976/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Khám chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.	Toàn thời gian	Khám nội; Tai Mũi Họng
10.	Nguyễn Trường An	003373/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Kỹ thuật Gây mê hồi sức	Toàn thời gian	Gây mê hồi sức
11.	Dương Đăng Khoa	003372/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Gây mê hồi sức	Toàn thời gian	Gây mê hồi sức
12.	Thạch Thị Kim Loan	001286/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	Toàn thời gian	Khám Da liễu
13.	Trầm Nguyễn Quốc Khải	003565/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh; Siêu âm Tim và mạch máu	Toàn thời gian	Chẩn đoán hình ảnh
14.	Trương Ngọc Trinh	003566/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Toàn thời gian	Chẩn đoán hình ảnh
15.	Thạch Thanh Truyền	003345/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám nhi
16.	Huỳnh Bảo Minh Anh	003961/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám nhi
17.	Trần Hà Việt Tiến	003563/TV-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa; Khám chữa bệnh Chuyên khoa Da liễu	Toàn thời gian	Khám Da liễu
18.	Thạch Thị Quanh Ni	002394/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Toàn thời gian	Khám nội
19.	Nguyễn Chí Hiền	003748/ TV-CCHN	Khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền; Phục hồi chức năng.	Toàn thời gian	Khám YHCT, Phục hồi chức năng
20.	Nguyễn Thị Diễm	000477/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Chuyên khoa Nhiễm.	Toàn thời gian	Khám nội nhiễm
21.	Nguyễn Hoàng Nhân	001656/TV- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng; Tạo hình thẩm mỹ	Toàn thời gian	Khám TMH; Tạo hình thẩm mỹ
22.	Đinh Nhã Khoa	004287/TG-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Toàn thời gian	Chẩn đoán hình ảnh
23.	Trần Khánh Dung	000510/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Toàn thời gian	Khám Nội, Siêu âm
24.	Sơn Tiền	001302/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa; Chấn thương chỉnh hình	Toàn thời gian	Khám ngoại

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
25.	Trần Tuyết Nhung	005153/KG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản Phụ khoa.	Toàn thời gian	Khám sản phụ khoa
26.	Sơn Thị Ánh Tuyết	035022/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Toàn thời gian	Khám nội
27.	Nguyễn Doãn Hoài	000221/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng Hàm Mặt
28.	Lâm Thị Trúc Đào	004419/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
29.	Lê Trần Thúy Vy		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Toàn thời gian	Khám Mắt
30.	Phùng Mỹ Bảo	004457/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Toàn thời gian	Khám Mắt
31.	Kim Thị Phương Trang	004354/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám chữa bệnh chuyên khoa ngoại
32.	Sơn Thị Mỹ Hạnh	004513/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Toàn thời gian	Khám Phụ - Sản
33.	Nguyễn Thị Bảo Trân	004524/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	Toàn thời gian	Khám Phụ - Sản
34.	Kim Hữu An	049703/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	Toàn thời gian	Khám Nội
35.	Dương Thanh Kiều	004577/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn thời gian	Khám Y học cổ truyền
36.	Tăng Thị Hồng Thi	004403/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
37.	Nguyễn Thế Lâm	004388/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Toàn thời gian	Khám Ngoại
38.	Nguyễn Thị Mộng Trinh	000573/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Nội khoa	Bán thời gian	Khám Nội
39.	Lê Huỳnh Minh Nguyệt	000572/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
40.	Tăng Thanh Liêm	002522/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
41.	Hồ Minh Đạt	000480/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
42.	Nguyễn Thanh Quang	003035/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
43.	Phạm Tuấn Huy	003073/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
44.	Nguyễn Mỹ Huyền	003437/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
45.	Vương Lâm Linh	004442/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Răng Hàm Mặt	Toàn thời gian	Khám Răng hàm mặt
46.	Phạm Ngọc Thủy	001342/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn thời gian	Khoa YHCT-PHCN
47.	Lý Ngọc Anh	003664/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
48.	Tào Gia Phú	000466/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Nội khoa	Bán thời gian	Khám Nội

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
49.	Thạch Cao Nhân	003179/TV-CCHN	Khám chữa bệnh Nội khoa; Nội soi	Bán thời gian	Khám chữa bệnh Nội khoa; Nội soi
50.	Võ Thị Thùy Linh	003196/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám chữa bệnh chuyên Sản phụ khoa	Bán thời gian	Khám sản phụ khoa
51.	Nguyễn Thị Thúy Duy	004053/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Bán thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
52.	Đoàn Dương Chí Thiện	003701/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám Tai mũi họng	Thứ 3 và thứ 5 hàng tuần	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám Tai mũi họng
53.	Võ Khánh Phương	003880/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám Tai mũi họng	Thứ 3 và thứ 5 hàng tuần	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; Khám Tai mũi họng
54.	Nguyễn Thị Thúy Liễu	004138/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	Thứ 4, thứ 5, thứ 6 hàng tuần	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu
55.	Tăng Thị Yến Nhi	004035/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa
56.	Phan Thị Hạnh	002281/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội; Định hướng chuyên khoa mắt	Bán thời gian (7h-11h và 13h-17h Từ Thứ 2 đến Thứ 6)	Khám Mắt Khám Nội
57.	Trần Việt Trung	000512/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội nhiễm, Da liễu.	Bán thời gian	Khám Nội, Da liễu, Nhiễm
58.	Đỗ Thị Kim Chi	000212/ TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội nhiễm; Siêu âm tổng quát	Bán thời gian	Khám Nội nhiễm, tư vấn chống nhiễm khuẩn và siêu âm
59.	Nguyễn Thị Nga	000222/ TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên Nội khoa	Làm việc 24h/tuần	Khám Nội
60.	Phan Trung Minh	000585/ TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội thần kinh	Từ thứ 2 đến thứ 6	Khám Nội
61.	Trần Hải Hà	003359/ TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Làm việc theo ca	Chẩn đoán hình ảnh

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
62.	Huỳnh Vĩ Sơn	0029729/ HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng; Phẫu thuật thẩm mỹ (vùng mặt)	Bán thời gian	Khám chuyên khoa Tai Mũi Họng; Phẫu thuật thẩm mỹ (vùng mặt)
63.	Huỳnh Văn Linh	004109/ TV-CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	Toàn Thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa ngoại
64.	Phạm Huỳnh Hùng	0020312/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bán thời gian	Khám Nhi
65.	Trần Văn Minh	038665/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
66.	Phạm Thái Duy	044877/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bán thời gian	Khám Nhi
67.	Lê Thiên Nghĩa	042802/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
68.	La Thành Thịnh	043189/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
69.	Lê Thị Minh Hiếu	007643/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Bán thời gian	Khám Nhi
70.	Hoàng Lê Phương Thoại Loan	043090/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
71.	Đinh Xuân Bình	043171/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Bán thời gian	Khám Nhi
72.	Cao Đăng Minh	041325/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
73.	Cao Tuấn Nghĩa	012329/HCM-CCHN	Điều dưỡng	Bán thời gian	Điều dưỡng
74.	Chiêm Hoàng Duy	035706/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
75.	Đoàn Thanh Vân	043331/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
76.	Đường Thị Phương Linh	0035903/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
77.	Huỳnh Ngọc Yến Ly	035166/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
78.	Huỳnh Thị Bích Vân	001754/LA-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nội khoa	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
79.	Lê Đăng Phát	0035913/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
80.	Lê Đức Lộc	0035907/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
81.	Ngô Vũ Bích Ngọc	0035910/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
82.	Nguyễn Ái Quốc	013556/HCM-CCHN	Điều dưỡng	Bán thời gian	Điều dưỡng
83.	Nguyễn Hoàng Hải	039126/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
84.	Nguyễn Kim Loan	0035906/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
85.	Nguyễn Ngọc Lý	038663/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
86.	Nguyễn Quang Tú	004464/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Bán thời gian	Khám Tai mũi họng
87.	Nguyễn Tế Đinh Hương	0035895/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
88.	Nguyễn Thanh Hải	038736/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
89.	Nguyễn Thành Nam	043177/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
90.	Nguyễn Thanh Vinh	003769/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Bán thời gian	Khám Tai mũi họng
91.	Nguyễn Thị Hoàng Quỳnh	004709/ĐNA-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
92.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	013541/HCM-CCHN	Điều dưỡng	Bán thời gian	Điều dưỡng
93.	Nguyễn Thị Phương Lan	012994/HCM-CCHN	Điều dưỡng	Bán thời gian	Điều dưỡng
94.	Nguyễn Thị Phương Thảo	038668/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
95.	Trần Kiều Nhi	028344/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
96.	Trần Minh Mẫn	038664/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
97.	Trần Trung	0035923/HCM-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
98.	Võ Tấn Đức	005958/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức hoặc khám chữa bệnh Nội khoa	Bán thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức hoặc khám chữa bệnh Nội khoa
99.	Võ Thành Nhân	0035911/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7 hàng tuần)	Khám Nhi
100.	Lê Thái Lộc	039195/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian	Khám Nhi
101.	Lê Trọng Thiên Long	048063/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại
102.	Trần Trọng Huân	045547/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại niệu	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại
103.	Trần Minh Hiếu	0029361/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Phẫu thuật thẩm mỹ	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại, Phẫu thuật thẩm mỹ
104.	Diêm Đăng Khoa	040711/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại - Tiết niệu	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại – Tiết niệu
105.	Phan Thành Thống	0005181/BTR-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại – Tiết Niệu	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại - Tiết niệu
106.	Phạm Thanh Việt	0035859/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	Làm việc bán thời gian	Khám Ngoại
107.	Nguyễn Thị Ngoãn	001169/BTR-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	Làm việc bán thời gian	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội
108.	Lê Nguyên Diệu Ngân	039137/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
109.	Đoàn Thị Thanh Trúc	040547/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
110.	Nguyễn Quốc Tiến	035873/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
111.	Nguyễn Xuân Anh	038729/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
112.	Nguyễn Cát Phương Vũ	038671/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
113.	Trần Thiện Nhơn	000742/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng
114.	Trương Mộng Nghi	038756/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
115.	Đỗ Huy Trọng Hiếu	042035/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
116.	Đặng Trung Hiếu	0010617/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2, thứ 4, thứ 6	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
117.	Bùi Xuân Ngọc Hân	043645/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2, thứ 4, thứ 6	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
118.	Trần Nguyên Hùng Hoàng	6732/ĐT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2, thứ 4, thứ 6	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
119.	Nguyễn Thị Hiên	0001088/ĐNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Thứ 2, thứ 4, thứ 6	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
120.	Lê Hoàng Thiên Kim	038660/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
121.	Trần Dư Khương	038661/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
122.	Nguyễn Hoàng Kim Chi	050512/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
123.	Nguyễn Thị Yên Chi	050783/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
124.	Trần Phan Tú Uyên	043317/HCM-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Làm việc bán thời gian (thứ 6, thứ 7)	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi
125.	Trần Thị Mộng Kha	001586/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
126.	Trần Thị Cẩm Nhuần	004456/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	Chăm sóc
127.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	001620/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
128.	Lê Thị Thùy Dương	001641/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
129.	Thạch Thị Mai Trinh	003002/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
130.	Mai Quốc Tràng	003507/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	Chăm sóc
131.	Nguyễn Thị Thơ	003922/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
132.	Đặng Minh Tân	003011/TV-CCHN	Điều dưỡng; Kỹ thuật gây mê hồi sức	Toàn thời gian	Chăm sóc; Kỹ thuật gây mê hồi sức
133.	Lê Thị Huệ	001643/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
134.	Dương Thị Hương Quyền	000738/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
135.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	001530/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
136.	Diệp Thị Ngọc Ánh	001642/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
137.	Nguyễn Thị Thùy Duyên	001637/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
138.	Hồ Thị Diệu	001615/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
139.	Nguyễn Thị Diễm Phương	003003/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
140.	Lê Thị Phương Trà	000423/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
141.	Nguyễn Thị Hoàng Quyên	001159/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
142.	Nguyễn Thị Diễm Trinh	001295/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
143.	Phạm Thị Ngọc Diễm	001632/TV- CCHN	Điều dưỡng + Kỹ thuật gây mê hồi sức	Toàn thời gian	Chăm sóc; Kỹ thuật gây mê hồi sức
144.	Phạm Thị Ánh Triết	003010/TV-CCHN	Điều dưỡng + Kỹ thuật gây mê hồi sức	Toàn thời gian	Chăm sóc; Kỹ thuật gây mê hồi sức
145.	Trần Thị Trúc Phận	002587/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
146.	Võ Thị Nhi	03409/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
147.	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	003406/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
148.	Huỳnh Thị Tú Duyên	002513/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
149.	Thạch Sóc Sane	001735/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
150.	Nguyễn Thị Anh Trinh	002709/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
151.	Trần Thị yến	003289/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
152.	Tăng Thị Mỷ Nguyên	002236/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
153.	Nguyễn Chí Linh	001166/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
154.	Nguyễn Thị Hồng Phấn	003408/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
155.	Lữ Mạnh Khang	003402/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
156.	Tiền Ngọc Thảo	002180/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
157.	Đặng Thị Thúy Vân	001739/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
158.	Trần Thị Tuyết Nhung	002588/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
159.	Sơn Thị Hòa Bình	003405/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
160.	Thạch Thị Gần	003411/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
161.	Thạch Thị Trung	003879/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	Chăm sóc
162.	Trần Thị Thúy Nhi	002654/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
163.	Nguyễn Thị Yến Nhi	003412/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
164.	Lữ Thị Ngọc Thanh	003407/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
165.	Nguyễn Châu Ngọc Yến	003413/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
166.	Trần Thị Diễm Trang	003410/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
167.	Nguyễn Minh Khôi	003008/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
168.	Trần Thị Diễm Phúc	000866/TV-CCHN	TC Hộ sinh	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc
169.	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	003855/TV-CCHN	TC Hộ sinh	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc
170.	Nguyễn Thị Thúy An	001334/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
171.	Nguyễn Trường Lộc	001636/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
172.	Ngô Lê Hoàng Giang	003778/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
173.	Nguyễn Thị Loan	003404/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
174.	Trần Minh Tâm	003050/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
175.	Nguyễn Thị Châu Đoan	003844/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
176.	Trần Thu Thảo	003847/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
177.	Trần Thị Huỳnh Yến	003857/TV- CCHN	Cao đẳng Hộ sinh	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc
178.	Nguyễn Thị Diễm My	003865/TV-CCHN	Cao đẳng Hộ sinh	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
179.	Hồ Thị Kim Chi	003862/TV-CCHN	Cao đẳng Hộ sinh	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc
180.	Nguyễn Thanh Tuấn	002224/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
181.	Huỳnh Thị Kim Yến	003851/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
182.	Nguyễn Bích Thủy	003279/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
183.	Trầm Thị Hồng Đào	001625/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
184.	Văn Thị Thu Hiền	003861/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
185.	Lưu Thị Trúc Giang	003858/TV- CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
186.	Dương Thị Đức Hòa	003048/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
187.	Thạch Thị Ngọc Thảo	003487/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
188.	Nguyễn Ngọc Trâm	003659/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
189.	Nguyễn Hửu Tính	002625/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
190.	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	004982/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
191.	Huỳnh Thị Hồng Thu	002378/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
192.	Nguyễn Văn Trung	003817/TV-CCHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Chăm sóc
193.	Lê Thị Thắm	003403/TV-CNHN	Điều dưỡng	Toàn thời gian	Phòng ĐD-KSNK
194.	Lê Minh Thái	002384/TV-CCHN	Kỹ thuật hình ảnh học	Toàn thời gian	X quang
195.	Thạch Thị Thanh Diệp	003878/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	X quang
196.	Sơn Thị Thanh Lý	004351/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	X quang
197.	Nguyễn Văn CasTrol	003976/TV-CCHN	YSĐK	Toàn thời gian	X quang
198.	Nguyễn Chí Tâm	003690/TV-CCHN	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Toàn thời gian	X quang
199.	Nguyễn Thị Kim Vân	00283020/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
200.	Trần Thị Tuyết Ngân	002903/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
201.	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	002735/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
202.	Lê Thị Hồng Trúc	000161/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
203.	Huỳnh Dương Tuấn	002819/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
204.	Nhan Ngọc Như	002905/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
205.	Huỳnh Vĩnh Nghiệp	000521/TV-CCHN	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản	Toàn thời gian	Xét nghiệm
206.	Nguyễn Thị Minh Tiền	003598/TV-CCHN	Chuyên Khoa xét nghiệm	Toàn thời gian	Xét nghiệm
207.	Trần Trung Hiếu	003342/TV-CCHN	Kỹ thuật viên	Toàn thời gian	Kỹ thuật hình ảnh Y học

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
208.	Nguyễn Thị Hồng Thắm	129/CCHN-D-SYT-TV	Nhà thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.	Toàn thời gian	Khoa dược
209.	Trịnh Kiến Nhụy	0675/CCHN-D-SYT-HCM	Bán lẻ dược	Toàn thời gian	Khoa dược
210.	Trần Thị Thanh Tuyền	23/CCHN-D-SYT-TV	Dược lâm sàng; Bán lẻ thuốc	Toàn thời gian	Khoa dược
211.	Phạm Lê Diễm Kiều	63/CCHN-D-SYT-TV	Nhà thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.	Toàn thời gian	Khoa dược
212.	Huỳnh Minh Thới		CĐ Dược	Toàn thời gian	Khoa dược
213.	Võ Thảo Duy	24/CCHN-D-SYT-TV	Bán lẻ thuốc	Toàn thời gian	Khoa dược
214.	Nguyễn Anh Phi	212/TV-CCHND	Quầy thuốc; Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp	Toàn thời gian	Khoa dược
215.	Thạch Thị Sơn Ly	205/TV-CCHND	Quầy thuốc; Đại lý bán thuốc của doanh nghiệp	Toàn thời gian	Khoa dược
216.	Từ Quý Phương	278/CCHN-D-SYT-TV	Nhà thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.	Toàn thời gian	Khoa dược
217.	Thái Hồng Diễm	247/CCHN-D-SYT-TV	Bán lẻ thuốc	Toàn thời gian	Khoa dược
218.	Nguyễn Thị Nhã Uyên	277/CCHN-D-SYT-TV	Quầy thuốc, Tủ thuốc trạm y tế xã	Toàn thời gian	Khoa dược
219.	Cao Thị Mỹ Hương		CĐ Dược	Toàn thời gian	Khoa dược
220.	Lâm Minh Thư	004645/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn thời gian	Khoa YHCT-PHCN
221.	Lê Thị Yến Nhi	004679/TV-CCHN	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	Toàn thời gian	Khoa YHCT-PHCN
222.	Trương Hồng Lộc	004622/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn thời gian	Khoa YHCT-PHCN
223.	Trần Tuấn Anh	004485/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	Toàn thời gian	Khoa Mắt, Tai-Mũi-Họng
224.	Kim Hồng Phấn	002808/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
225.	Đặng Thanh Trà	000387/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh phụ sản – kế hoạch hóa gia đình	Toàn thời gian	Khám phụ sản
226.	Ngô Quang Vinh	004398/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Đa khoa	Toàn thời gian	Khám Ngoại
227.	Võ Hồng Phương Anh	004473/TV-CCHN	Khám chữa, bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.	Toàn thời gian	Khám Phụ - Sản

Stt	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí chuyên môn
228.	Bùi Thị Thúy Duy	004512/TV-CCHN	Cử nhân điều dưỡng (Chuyên ngành Hộ sinh)	Toàn thời gian	Hộ sinh, chăm sóc
229.	Kha Đắc Lượng	004468/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
230.	Võ Đan Thuận		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
231.	Huỳnh Phước Lộc		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
232.	Huỳnh Ngọc Quí		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khám Nội
233.	Chao Thanh Thảo Linh		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Mắt, Tai-Mũi-Họng
234.	Võ Huỳnh Nhi		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Cận lâm sàng
235.	Nguyễn Tân Thạnh		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
236.	Tăng Thành Tấn		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
237.	Trần Thanh Sơn	000213/TV-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Mắt	Toàn thời gian	Khoa Mắt, Tai-Mũi-Họng
238.	Nguyễn Ngọc Thùy Vân	004607/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Toàn thời gian	Khám Răng – Hàm – Mặt
239.	Nguyễn Thanh Vủ	004602/ TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	Toàn thời gian	Khám Răng – Hàm – Mặt
240.	Kim Thanh Lâm		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Cận lâm sàng
241.	Lâm Quốc Đạt		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
242.	Thạch Bune Thê Vi		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
243.	Thạch Thị Mai Hương		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Cấp cứu – Nội - Nhi
244.	Thái Thị Kim Ngân		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	Toàn thời gian	Khoa Cấp cứu – Nội - Nhi
245.	Hứa Tấn Sử	000234/TV-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; Siêu âm tổng quát	Toàn thời gian	Khoa cận lâm sàng

5. Danh sách đăng ký người làm việc:

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Thời gian đăng ký làm việc tại cơ sở khám chữa bệnh (ghi cụ thể thời gian làm việc)	Vị trí làm việc
1.	Phạm Văn Đức	ThS. Kinh tế	Toàn thời gian	Phòng Vật tư - TBYT
2.	Trần Thành Công	KS công nghệ kỹ thuật Điện	Toàn thời gian	Phòng Vật tư - TBYT
3.	Lê Quốc Quân	Nhân viên KT	Toàn thời gian	Phòng Vật tư - TBYT
4.	Thạch Bình Thị	Nhân viên KT	Toàn thời gian	Phòng Vật tư - TBYT
5.	Nguyễn Công Nghiệp	KS. CNTT	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính
6.	Lê Nguyễn Tố Uyên	CĐ. TC ngân hàng	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
7.	Trần Thị Xuân Trang	CN.TC ngân hàng	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
8.	Trần Thị Tròn	Ths. Kế toán	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
9.	Phạm Tiết Quang	CĐ Kế toán	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
10.	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	CN Kế toán	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
11.	Thạch Thanh Phương	Bảo vệ	Toàn thời gian	Bảo vệ
12.	Lâm Minh Tâm	Bảo vệ	Toàn thời gian	Bảo vệ
13.	Châu Trần Đại	Lái xe	Toàn thời gian	Lái xe
14.	Nguyễn Thị Hồng Ven	Hộ lý	Toàn thời gian	Khoa KSNK
15.	Phan Thị Ngọc Mai	Cử nhân kế toán	Toàn thời gian	Phòng TC-KT
16.	Mai Thanh Sang	Bảo vệ	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính
17.	Kiên Nghị	Bảo vệ	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính
18.	Trần Nam	Đại học Sư phạm	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính
19.	Huỳnh Văn Trung	Bảo vệ	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính
20.	Trần Thị Kiều Oanh	Hộ lý	Toàn thời gian	Khoa Ngoại - Sản - Phẫu thuật - Gây mê hồi sức
21.	Lưu Tuấn Anh	Kỹ sư CNTT	Toàn thời gian	Phòng KHTH
22.	Lữ Minh Liềng	Kỹ sư CNTT	Toàn thời gian	Phòng KHTH
23.	Đinh Văn Hiện	Kỹ sư	Toàn thời gian	Phòng Tổ chức - Hành chính

Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

TS.BS. Lê Văn Nam

Nơi nhận:
- Phòng NVY(SYT);
- Lưu: BVĐHTV.